

Số: 03/2019/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông An Văn Khoái.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-VDS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 03 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* UBND xã CLN, huyện TM, tỉnh HD.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Vũ Bá N - Chủ tịch UBND xã Chi Lăng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nhân: Ông Vũ Xuân L - Cán bộ tư pháp xã. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Vũ Duy Đ**, sinh năm: 1973 và chị **Vũ Thị L**, sinh năm: 1979.

ĐKKHKTĐ đều ở: Thôn HY, xã CLN, huyện TM, tỉnh HD. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã CLN, huyện TM, tỉnh HD như: Sổ đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, sổ theo dõi khai sinh. UBND xã CLN phát hiện trường hợp Anh Vũ Duy Đ, sinh ngày 24/07/1973 và chị Vũ Thị L, sinh ngày 06/5/1979, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn HY, xã CLN, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương kết hôn ngày 12 tháng 2 năm 1996 là trái pháp luật. Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn Cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, trích lục khai sinh thì chị Vũ Thị L sinh ngày 06/5/1979 nhưng ngày 12/02/1996 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Vũ Duy Đ khi đó chị L mới hơn 16 tuổi, còn thiếu 3 tháng 07 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 “Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên). Do

anh Đ chị L đã khai chị L sinh năm 1975 đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh Đ chị L và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn anh Vũ Duy Đ sinh ngày 06/4/1973 và chị Vũ Thị L sinh ngày 12/4/1975. Việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Vì vậy UBND xã CLN đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn (kèm đăng ký kết hôn của UBND xã CLN cấp cho anh Đ và chị L ngày 12/02/1996). Nếu anh Đ chị L yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ và chị L trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã CLN. Tuy nhiên vào thời điểm đăng ký kết hôn, chị L chưa đủ tuổi kết hôn để được đăng ký kết hôn anh Đ và chị L đã khai chị L sinh năm 1975 được đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/1996. Anh Đ và chị L đã nhận thấy việc khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn là sai trái và vi phạm pháp luật. Việc UBND xã CLN yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (Kèm giấy đăng ký kết hôn cho anh chị năm 1996) anh chị đều nhất trí và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, anh chị đã sinh được 03 con chung gồm: Vũ Thị L, sinh ngày 04-3-1997, Vũ Thị M, sinh ngày 21-7-1999 và Vũ Duy B, sinh ngày 01-7-2005. Nên anh Đ và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Đức G - Phó chủ tịch UBND xã CLN thời điểm năm 1996 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh Đ và chị L thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh Đ và chị L nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 12/02/1996 (khi đó chị L mới được 16 tuổi, 07 tháng 03 ngày).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của

Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLN, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tuyên huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị L. Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 12/02/1996 cấp cho anh Đ và chị L của UBND xã CLN.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L đều có hộ khẩu thường trú tại thôn HY, xã CLN, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. UBND xã CLN phát hiện anh Đ và chị L kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện huỷ việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh Đ và chị L năm 1996), đồng thời trong quá trình giải quyết anh Đ và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án sẽ tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh chị.

[3] Về nội dung yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Đ và chị L năm 1996) của UBND xã CLN và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, căn cước công dân của chị L đã có đủ căn cứ chứng minh chị Vũ Thị L sinh ngày 06/5/1979. Vào ngày 12/02/1996, chị Lịch đăng ký kết hôn với anh Đồi nhưng vì chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi (từ 1979 lên 1975) để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch cán bộ đăng ký kết hôn là ông Nguyễn Đức Giảo - Phó chủ tịch UBND xã CLN đã đăng ký kết hôn cho anh Đ và chị L tại giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/1996 đã đăng ký kết hôn cho anh Đồi và chị L và ghi anh Vũ Duy Đ, sinh ngày 06/4/1973 (Do sơ suất nên cán bộ đăng ký kết hôn ghi nhầm anh Đ sinh ngày 24-7-1973 như trong các giấy tờ tùy

thân thành ngày 06-4-1973) còn chị Vũ Thị L sinh ngày 12/4/1975. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 luật hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã CLN yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Đ và chị L năm 1996) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh Đ và chị L đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung gồm: Vũ Thị L, sinh ngày 04-3-1997, Vũ Thị M, sinh ngày 21-7-1999 và Vũ Duy B, sinh ngày 01-7-2005. Quá trình chung sống, anh Đ và chị L không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã CLN, huyện TM, tỉnh HD không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLN, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, quyền số 01-1996, ngày 12/02/1996 của UBND xã CLN, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cấp cho anh Đ và chị L; Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Duy Đ, sinh ngày 24-7-1973 và chị Vũ Thị L, sinh ngày 06-5-1979 kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 07 tháng 5 năm 1996*).

Anh Vũ Duy Đ và chị Vũ Thị L có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí:

- UBND xã CLN không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- Anh Vũ Duy Đ tự nguyện chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0002870 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã CLN có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Anh Đ và chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã CLN;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

An Văn Khoái